

ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC MỘT NỘI DUNG LỚN TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS ĐẶNG KIM OANH

Tổng Biên tập Tạp chí Lịch sử Đảng,

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

11-1-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-2-2024

Ngày duyệt đăng:

5-3-2024

Tóm tắt: Đại hội IX (2001) của Đảng khẳng định: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”¹. Trong hệ thống quan điểm, tư tưởng của Người, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là một nội dung lớn. Nghiên cứu, khai thác, vận dụng một cách sáng tạo những giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Từ khóa:

Tư tưởng Hồ Chí Minh;

đại đoàn kết toàn dân tộc

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Thực tiễn lịch sử đã minh chứng, cố kết, gắn bó cộng đồng, tập hợp và thống nhất các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đoàn kết dân tộc đã trở thành vấn đề tự nhiên, mang tính quy luật trong sự vận động và phát triển của xã hội, của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy vai trò và sức mạnh to lớn của nhân dân và cả dân tộc. Người luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, chứ không phải là việc riêng của một số người hay của một tổ chức nào. Để lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng, lật đổ ách đô hộ, xâm lược của bọn thực dân, đế quốc và

xây dựng chế độ xã hội mới, vấn đề mấu chốt của cách mạng là phải có Đảng cách mạng lãnh đạo “đề trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”². Rõ ràng, ngay từ đầu và trong suốt quá trình cùng với Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn nhận thức đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, khẳng định sự thành công của cách mạng phụ thuộc rất lớn vào khả năng tập hợp và phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Từ nhận thức đúng đắn đó, Hồ Chí Minh đã có rất nhiều bài viết, bài nói thể hiện đậm nét tư tưởng

đại đoàn kết toàn dân tộc của Người. Là lãnh tụ tối cao của Đảng, Nhà nước, bằng tư tưởng và trên hết là hành động mẫu mực của mình, Hồ Chí Minh đã tập hợp, quy tụ hết thảy các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, các giới, nhân sĩ trí thức yêu nước, đồng bào ở trong nước, kiều bào ở nước ngoài, xây dựng nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng rộng rãi và bền chặt từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Hồ Chí Minh đã trở thành linh hồn và trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc rõ ràng đã “trở thành một nội dung xuyên suốt trong tư tưởng cũng như trong hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh”³.

Qua khảo cứu bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập* (15 tập), do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2011, cụm từ “đoàn kết”, “đoàn kết dân tộc”, “đại đoàn kết”, “đại đoàn kết dân tộc” được Hồ Chí Minh nhắc tới hơn hai nghìn lần, tập trung nhất là trong thời kỳ Người cùng với Đảng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phát triển lực lượng cho cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng miền Bắc XHCN. Điều này cho thấy, trong hoàn cảnh, điều kiện nào, vấn đề đoàn kết dân tộc luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt, là một nội dung lớn trong hệ thống tư tưởng của Người.

Đại đoàn kết toàn dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nội hàm rất rộng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến tính cấp thiết phải đoàn kết dân tộc; đối tượng, lực lượng thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc như: “Đoàn kết, phải đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc Kinh và thiểu số, đoàn kết Nam - Bắc, đoàn kết quân dân, đoàn kết Việt - Hoa”⁴. Người nhấn mạnh: “Các dân tộc miền núi đoàn kết chặt chẽ, các dân tộc thiểu số đoàn kết với dân tộc đa số”⁵. Hơn nữa, “Cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên phải đoàn kết chặt chẽ, làm gương mẫu cho đồng bào”⁶.

Bên cạnh việc đề cập đối tượng và lực lượng đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh nói đến các vấn đề về phạm vi đại đoàn kết dân tộc (gia đình, tập thể cơ quan, đơn vị, nông thôn, miền xuôi và miền ngược, đồng bằng, rừng núi, đô thị, trong nước và quốc tế); giá trị của đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; chính sách đoàn kết dân tộc; tấm gương về đoàn kết dân tộc (con người, tổ chức, cá nhân, trong nước, ngoài nước); những kinh nghiệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện trong những bài nói, bài viết, mà còn thể hiện sâu đậm trong cuộc đời hoạt động cách mạng, trong đạo đức và nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là bộ phận cấu thành trong hệ thống tư tưởng của Người, có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc từng bước được Hồ Chí Minh cụ thể hóa trong các cụm từ như: “đại đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết dân tộc”, “toàn dân tộc ta đoàn kết”... Tuy cách diễn đạt có thể khác nhau, nhưng nội hàm của các khái niệm trên đều thống nhất khi khẳng định lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam. Từ đó có thể khẳng định, Chủ tịch Hồ Chí Minh là linh hồn và là trung tâm dẫn dắt quá trình tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng trong thực tiễn. Tư tưởng đại đoàn kết, trong đó đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề hàng đầu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tính đến khi đứng trước những vấn đề lớn mà cách mạng đặt ra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là mục tiêu của cách mạng Việt Nam, Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Theo Người đại

đoàn kết toàn dân tộc là tập hợp, phát huy sức mạnh của các lực lượng cách mạng, từ sức mạnh của các lực lượng xã hội, các tổ chức chính trị đến sức mạnh của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, làm nên nguồn lực tổng hợp nhằm hiện thực hóa mục tiêu cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, đoàn kết, trong đó có đại đoàn kết dân tộc là một nội dung cơ bản, trung tâm của chính trị Việt Nam hiện đại. Người viết: *“Tóm lại chính trị là: 1. Đoàn kết. 2. Thanh khiết từ to đến nhỏ”*⁷.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một bộ phận trong tư tưởng Hồ Chí Minh; là tư tưởng chiến lược tập hợp, tổ chức, xây dựng và phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả của quá trình vận dụng, phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nội dung lớn, trung tâm, xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của Hồ Chí Minh; là kết quả của quá trình nghiên cứu, vận dụng sáng tạo lý luận, tổng kết thực tiễn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, yêu cầu đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh là tư tưởng nhân văn theo ngọn cờ cách mạng, phản ánh tính dân tộc sâu sắc, có sức hấp dẫn lôi kéo, hội tụ và định hướng mọi hoạt động của nhân dân vào thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc được Người xây dựng trên nền tảng đúc rút trí tuệ nhân loại cổ, kim, Đông, Tây về tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng; trên cơ sở tổng kết lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử cách

mạng Việt Nam và nhiều cuộc cách mạng trên thế giới; nhất là dựa trên những suy tư rất sâu sắc của Người, ở tầm triết học, về bản chất con người, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới, phương thức sống và hoạt động của con người..., nói cách khác trên nền tảng nhân sinh quan cách mạng của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc thể hiện rõ quan điểm, lập trường, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, được cụ thể hóa thành những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp tập hợp, quy tụ và phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, tổ chức lực lượng cách mạng, trong mối quan hệ đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế nhằm phát huy cao nhất sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh có thể khái quát một số nội dung cơ bản sau:

Một là, vị trí, vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc. Về vị trí vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”*⁸. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, chỉ khi nào toàn dân tộc ta đoàn kết, thống nhất một lòng thì dân tộc sẽ trường tồn, phát triển, đạt được mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Ngược lại, khi dân ta không đoàn kết, đồng lòng, nội bộ chia rẽ thì dân tộc sẽ suy yếu và nguy cơ mất nước sẽ lên cao. Vì vậy, chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ một lòng ở mọi lúc, mọi nơi, nhất là trong những giai đoạn khó khăn, thử thách càng cần phải nêu cao tinh thần đoàn kết. Qua thực tiễn các phong trào đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc rằng, sở dĩ các cuộc đấu tranh bị thất bại là do không có sự đoàn kết, tập hợp các lực lượng, bộ phận trong một tổ chức tập trung thống nhất, đòi

quyền lợi trước mắt và lâu dài cho từng giai cấp, giai tầng của xã hội. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải biết tập hợp những ý kiến, quan điểm riêng lẻ thành một phương hướng, mục tiêu chung thống nhất đó là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, muốn vậy phải:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công”.

Đó là chân lý bất di bất dịch; là cách thức, phương pháp, điều kiện để chúng ta vượt qua khó khăn, thách thức; là cội nguồn thành công của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Hai là, mục đích, nhiệm vụ của đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, mục đích, nhiệm vụ của đoàn kết là: “ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”¹⁰; “... đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc;... đoàn kết để xây dựng nước nhà”¹¹. Từ thực tiễn lịch sử có thể khẳng định, đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, được truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, như là sợi dây gắn kết, trao truyền giữa các thời kỳ, giai đoạn với nhau. Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống đó của ông cha trong lịch sử, nâng tầm thành những tư tưởng triết lý sâu sắc về giáo dục, nhằm bồi dưỡng, vận động, tập hợp các giai cấp, tầng lớp nhân dân vào mặt trận dân tộc thống nhất thực hiện sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Toàn dân đoàn kết nhất trí thì chúng ta nhất định xây dựng được nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự do, giàu mạnh”¹².

Ba là, đối tượng, nội dung và cách thức, phương pháp thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết là phải mang tính toàn dân, rộng khắp, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, thành phần, dân tộc, vùng, miền, hễ là người Việt Nam đều phải yêu nước, tham gia vào các phong

trào cách mạng khác nhau. Người chỉ rõ phải: “*Đoàn kết rộng rãi và lâu dài... Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ*”¹³. Với nội dung, cách thức, phương pháp đoàn kết rất cụ thể, thiết thực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, rộng khắp, ai cũng ra sức thi đua giết giặc lập công, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục. Hồ Chí Minh đã nhìn thấy ở dân tộc ta có tinh thần đoàn kết rất cao, Người ví tinh thần đoàn kết như bức tường đồng vô cùng kiên cố, vững chắc mà không súng ống, quân địch nào có thể công phá được. Hồ Chí Minh là bậc thầy về thực hiện cách thức, phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc, đó là lấy cái chung, đề cao cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; đó là phương pháp tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, lấy gương người tốt, việc tốt và tự mình là tấm gương mẫu mực về thực hiện đoàn kết. Mỗi lời kêu gọi, động viên, nhắc nhở, chỉ dạy của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc đều có sức lan toả mạnh mẽ, biến thành sức mạnh vật chất to lớn đưa cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta đến thắng lợi cuối cùng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc cùng với khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà Người dày công xây dựng là một di sản vô cùng quý báu cho Đảng và dân tộc ta. Nghiên cứu đề làm sáng tỏ tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh là một yêu cầu lý luận và thực tiễn cấp bách nhằm góp phần tìm hiểu những giá trị quý báu trong kho tàng tư tưởng vĩ đại của Người. Hơn nữa, nghiên cứu tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh còn có ý nghĩa thiết thực cho việc đúc kết một trong những kinh nghiệm quan trọng của Đảng, dân tộc ta hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng, xây dựng cơ sở khoa học, nhằm hoàn thiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong thời kỳ đổi mới, từ Đại hội VI (1986) của Đảng đến nay, quán triệt tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc và bài học “lấy dân làm gốc”, Đảng không ngừng quan tâm, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, tăng cường vun đắp cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đó là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ XHCN trong điều kiện mới. Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo cách mạng XHCN, Đại hội chỉ rõ 4 bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹⁴. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, HNTU8 ra Nghị quyết 8b, ngày 27-3-1990, “Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”. Nghị quyết nêu rõ cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân; khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng; công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Đại hội VII (1991) của Đảng, lần đầu tiên trong *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng nêu khái niệm mới về khối liên minh công - nông - trí thức và khẳng định lấy liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp đó, ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất”. Nghị quyết khẳng định trong thời kỳ mới cần ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố,

mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đoàn kết dân tộc trở thành một nội dung quan trọng trong phát triển đất nước, phát triển xã hội. Tăng cường đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Phát huy sức mạnh của cộng đồng người Việt Nam. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (tháng 1-1994), khóa VII của Đảng chủ trương tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy mọi năng lực sáng tạo của công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp, các giai cấp, các tôn giáo, kể cả cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Đại hội VIII (1996) của Đảng nhấn mạnh: “Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, ở cả trong nước và nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”¹⁵. Đảng xác định phương châm, nguyên tắc của xây dựng khối đại đoàn kết: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài; có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”¹⁶.

Đại hội IX (2001) của Đảng đã nêu cụ thể hơn nữa về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân: “Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc

lập dân tộc, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai... trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”¹⁷.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX ra Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003 “Về Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Nghị quyết xác định đại đoàn kết toàn dân tộc “là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, liên quan đến sự tồn vong và phát triển của dân tộc. Tại Hội nghị này, Đảng sử dụng thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân tộc” thay cho thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân” với ý nghĩa mở rộng đại đoàn kết, đoàn kết không chỉ ở trong nước mà còn với cả cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Hội nghị đặt vị trí, vai trò của Mặt trận và khối đại đoàn kết toàn dân tộc lên tầm cao mới.

Đại hội X (2006) của Đảng nhấn mạnh vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc, coi đó là một trong 4 thành tố của chủ đề Đại hội: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Đảng chủ trương thực hiện đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ tương trợ giữa các dân tộc, giữa các vùng miền nhằm phát huy thế mạnh mỗi vùng miền trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; chú trọng thực hiện chiến lược phát triển ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng căn cứ cách mạng. Đoàn kết đồng

bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chia rẽ khối đại đoàn kết, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Đại hội XI (2011) của Đảng chỉ rõ mục tiêu đoàn kết: “Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào Mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”¹⁸.

Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: “đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹⁹. Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại

đoàn kết dân tộc. Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²⁰.

Đại hội XIII (2021) của Đảng khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một trong những cơ sở quan trọng để Đảng khẳng định chiến lược đó là việc kế thừa, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới²¹.

Như vậy, qua các kỳ đại hội và hội nghị Trung ương các khóa của Đảng thời kỳ đổi mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong đó đáng chú ý là Nghị quyết HNTƯ 7 khóa IX, ngày 12-3-2003 “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” và đặc biệt thời gian gần đây là Nghị quyết HNTƯ 8 khóa XIII, ngày 24-11-2023 “Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”. Đây cũng là sự quán triệt và vận dụng phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn cách mạng mới, là yếu tố quan trọng để toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công

mục tiêu Đại hội XIII của Đảng là khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Đồng thời cũng cần khẳng định việc tiếp tục đi sâu nghiên cứu, khai thác, vận dụng một cách sáng tạo những giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

1, 17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T. 60, tr. 20, 148

2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 2, tr. 289

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2010, tr. 177

4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 10, tr. 602

5, 9. *Sđđ*, T. 13, tr. 225, 119

6. *Sđđ*, T. 12, tr. 205

7. *Sđđ*, T. 5, tr. 75

8. *Sđđ*, T. 4, tr. 55

10. *Sđđ*, T. 7, tr. 49

11, 13. *Sđđ*, T. 9, tr. 244, 244

12. *Sđđ*, T. 10, tr. 576

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr. 549

15, 16. *Sđđ*, 2015, T. 55, tr. 360, 300

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 48

19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 158, 166

21. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG, H, 2021, T. I, tr. 172.